TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **31**/2024/DS-ST Ngày 10/5/2024 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hải Đăng
2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thân Thị Mai H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ hiện tại: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Bùi Lan A, sinh năm 1992 (con gái bà T); Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

2. Chị Đinh Phương H1, sinh năm 1997 (con dâu bà H); Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà Thân Thị Mai H) trình bày:

Bà và bà Vũ Thị T là hàng xóm, cùng thôn có mối quan hệ quen biết đã lâu năm, lúc bà cần tiền vẫn vay của bà T và khi bà T cần tiền vẫn vay tiền của bà. Những lần vay trước đây hai bên đã trả xong xuôi, sòng phẳng. Đến cuối năm 2021 bà T có vay tiền của bà nhiều lần và đều nói là bà T có việc gấp, nóng, cần tiền nên bà cho bà T vay tiền, việc vay không hứa hẹn khi nào trả. Việc thỏa thuận vay tiền chỉ có bà và bà T, không có ai khác liên quan. Bà đã giao cho bà T đủ số tiền vay theo thỏa thuận. Bà T nói vay nóng tiền của bà nhưng đến ngày 25/4/2022 số tiền vay đã nhiều, hai bên chốt số tiền bà T còn nợ lại là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đến khoảng cuối tháng 8/2023 bà đã đề nghị bà T viết giấy vay nợ cho bà và viết lui lại thời gian ngày viết là ngày 25/4/2022, bà T đồng ý và viết giấy hẹn bà đến ngày 25/9/2022 sẽ trả bà tiền vay đầy đủ. Đến hẹn bà đã thúc giục nhiều lần, bà T hứa sẽ trả bà nhiều lần nhưng đều thất hứa, không trả cho bà được số tiền nào. Bà T trình bày đã để chị Bùi Lan A là con gái bà T trả cho bà số tiền khoảng 23 triệu đồng bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, bà xác nhận chị Lan A có chuyển cho bà tiền, tuy nhiên chị Lan A chuyển cho bà vào số tài khoản ngân hàng của con dâu bà là Đinh Phương H1 lần 01 là 10 triệu đồng; lần 2 là 10 triệu đồng và lần 3 tổng tố tiền là 5 triệu đồng đều vào tài khoản Ngân hàng V của bà. Bà xác định việc chị Lan A chuyển tiền cho con dâu bà 10 triệu đồng là trước thời điểm tháng 8/2023 và đã trả xong nên không được tính vào số tiền 150 triệu đồng; lần 2 chị Lan A chuyển 10 triệu đồng vào tài khoản của bà, giao dịch này phát sinh sau thời điểm viết giấy biên nhận nợ, bà xác định đây là khoản tiền trả riêng, không phải trả vào khoản vay 150 triệu đồng của bà T vì ngoài số tiền bà T vay 150 triệu nêu trên thì bà T còn vay của bà các khoản tiền vay nóng khác nhưng hai bên không làm giấy tờ biên nhận gì nên bà không có tài liệu gì để chứng minh. Còn số tiền lần 3 bà nhận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bà xác nhận là trả vào số tiền bà T vay 150 triệu đồng nên bà T còn nợ bà số tiền vay gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Bà yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc còn nợ là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng. Tại phiên tòa

bà xác nhận chị Bùi Lan A chuyển cho bà 04 lần sau thời điểm bà T viết giấy nợ, tổng số tiền là 16.500.000đ, vì vậy bà nhất trí trừ váo số tiền bà T còn nợ 150 triệu đồng nêu trên, bà yêu cầu bà T phải thanh toán trả cho bà số tiền 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)), bà H không yêu cầu bà T phải trả lãi trên số tiền còn nợ gốc nêu trên. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn (bà Vũ Thị T) trình bày: Mối quan hệ giữa bà và bà H như bà H trình bày là đúng. Thời điểm cuối năm 2021 bà có nhu cầu xử lý công việc cá nhân nên đã vay tiền của bà H nhiều lần, có trả dần cho bà H và còn nợ lại 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền chỉ có bà và bà H giao dịch, thỏa thuận, chồng bà là Bùi Văn H2 đã chết từ năm 2004 nên việc vay tiền này của bà không liên quan đến ai khác. Cho tới khoảng cuối tháng 8/2023 (không nhớ ngày cụ thể) bà H có đến nhà bà tại Tổ dân phố C để yêu cầu bà viết số tiền còn nợ lại là 150 triệu đồng. Tuy nhiên, do số tiền nợ lại đã phát sinh từ năm 2022, vì thế bà và bà H đã thống nhất để bà tự tay viết giấy nhận nợ lui lại ngày 25/4/2022 với nội dung vay của bà H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 25/9/2022 sẽ trả cho bà H đầy đủ số tiền trên. Bà H có đến đòi bà nhiều lần nhưng do bà gặp nhiều khó khăn về tài chính, kinh tế nên không thể trả được cho bà H. Nhưng đến khoảng tháng 8/2023 đến nay, sau khi bà viết giấy nhận nợ thì bà đã trả được cho bà H 03 lần tiền, tổng khoảng 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng), bà không nhớ chính xác số tiền vì việc trả tiền đều do con gái bà là Bùi Lan A chuyển tiền trả hộ bà bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà H hay của ai bà không rõ nhưng bà H đã nhận được tiền.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền vay nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi, bà không đồng ý trả cho bà H toàn bố số tiền này vì bà đã trả cho bà H được khoảng 23 triệu đồng nên bà H phải trừ vào số tiền 150 triệu đồng bà viết giấy nhận nợ của bà H thì bà mới nhất trí trả toàn bộ số tiền còn lại cho bà H. Nếu bà H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn T1) trình bày: Ông là chồng bà Thân Thị Mai H, ông xác định việc bà H cho bà Vũ Thị T vay tiền như thế nào ông không nắm được, đây là khoản tiền riêng của bà H, ông không liên quan. Do vậy, ông ủy quyền cho bà H quyết định, ông không có ý kiến nào khác và không phản đối gì. Ông đề nghị được vắng mặt trong các buổi Tòa án triệu tập đến làm việc, đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng vắng mặt ông.

Người làm chứng (chị Đinh Phương H1) trình bày: Ngày 19/7/2023 chị Bùi Lan A có chuyển cho mẹ chồng chị là bà Thân Thị Mai H số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) qua tài khoản của chị H1. Chị đã đưa lại số tiền này cho bà H đầy đủ.

Người làm chứng (chị Bùi Lan A): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với người làm chứng là chị Bùi Lan A chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144; khoản 1Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Mai H.

Buộc bà Vũ Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà Thân Thị Mai H số tiền gốc còn nợ là: 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị T, do bà T là người cao tuổi. Bà Thân Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại bà Thân Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004762 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:***

Bùi Lan A, chị Đinh Phương H1 là người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt (chị H1 có đơn xin vắng mặt). Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 của bà Thân Thị Mai H đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

[2].1. Bà Thân Thị Mai H và bà Vũ Thị T tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền và viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 25/4/2022, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của bà Thân Thị Mai H yêu cầu bà Vũ Thị T phải trả số tiền vay gốc là 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận từ cuối năm 2021 bà T vay tiền của bà H nhiều lần nhưng hai bên không viết giấy tờ biên nhận gì, đến ngày 25/4/2022 hai bên thỏa thuận chốt số tiền bà T còn nợ bà H là 150 triệu đồng tiền vay gốc, nhưng cũng chưa viết giấy tờ gì; đến cuối tháng 08/2023 (không nhớ ngày cụ thể) thì hai bên mới thỏa thuận viết giấy biên nhận nợ nội dung bà T nợ bà H 150 triệu đồng tiền vay gốc và thỏa thuận viết lùi thời gian vay nợ vào ngày chốt nợ 25/4/2022, hẹn đến 25/9/2022 thì bà T phải trả nợ. Giấy biên nhận vay tiền do bà T tự tay viết. Do hai bên đều không xác định được ngày nào của cuối tháng 8/2023 bà T viết giấy nhận nợ với bà H nên lấy ngày 31/8/2023 là ngày bà T viết giấy biên nhận nợ với bà H. Vì vậy, có căn cứ xác định đến ngày 31/8/2023 bà T còn nợ của bà H số tiền vay gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà T xác định sau thời điểm viết giấy vay nợ cho bà H vào tháng 8/2023 thì bà T đã trả cho bà H số tiền khoảng 23 triệu đồng do chị Bùi Lan A là con gái bà T chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị Bùi Lan A đến tài khoản của bà H và tài khoản của chị Đinh Phương H1 (con dâu bà H) để trả cho bà T vào số tiền 150 triệu đồng còn nợ của bà H nên chỉ đồng ý trả bà H số tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền chị Bùi Lan A đã chuyển khoản trả cho bà H. Tại phiên tòa bà H xác định có nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản của chị Bùi Lan A sau khi hai bên viết giấy nhận nợ 4 lần, tổng số tiền là 16.500.000đ là tiền bà T trả vào khoản nợ 150 triệu đồng của bà T, còn lại là chuyển trước thời điểm bà T viết giấy nhận nợ vào cuối tháng 8/2023 nên xác định không phải trả vào khoản nợ 150 triệu đồng nêu trên. Đối với bà T và chị Bùi Lan A đã được Tòa án thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ về việc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng để chứng minh việc trả nợ cho bà H nhưng bà T và chị Bùi Lan A không cung cấp. Bà H và chị Đinh Phương H1 cung cấp cho Tòa án giấy "Sổ phụ" của ngân hàng V và A1 thể hiện bà H nhận tiền chuyển khoản từ chị Bùi Lan A vào các ngày: 28/9/2023 số tiền 5.000.000đ; ngày 03/10/2023 số tiền 1.000.000đ; ngày 09/10/2023 số tiền 500.000đ; ngày 19/11/2023 số tiền 10.000.000đ, tổng cộng là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); chị Đinh Phương H1 nhận tiền chuyển khoản từ chị Bùi Lan A vào ngày 19/7/2023 số tiền 10.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lời trình bày và các tài liệu chứng cứ mà các đương sự đưa ra nêu trên, xác định trước ngày bà T viết giấy nhận nợ thì chị Bùi Lan A chuyển khoản cho chị Đinh Phương H1 số tiền 10 triệu đồng, sau ngày bà T viết giấy nhận nợ số tiền 150 triệu đồng chị Bùi Lan A chuyển cho bà H tổng số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bà H xác nhận số tiền 16.500.000đ là bà T trả vào khoản nợ 150 triệu đồng, nhất trí trừ đi số tiền 16.500.000đ vào khoản

tiền 150 triệu đồng bà T còn nợ của bà H. Do đó, có căn cứ xác định bà T đã trả cho bà H số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) vào tổng số tiền 150 triệu đồng bà T viết giấy nợ cho bà H nêu trên. Số tiền bà T còn nợ tiền vay gốc của bà H được xác định là 150.000.000đ- 16.500.000đ= 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì vậy, có căn cứ xác định bà T còn nợ của bà H số tiền vay gốc là 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), cần buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán trả bà H số tiền này.

[2].3. Xét việc bà Thân Thị Mai H không yêu cầu bà Vũ Thị T phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền vay gốc còn nợ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét giải quyết về lãi trong vụ án.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của bà Thân Thị Mai H được chấp nhận, vì vậy bà Thân Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 275; 463, 466; 470; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Mai H.

Buộc bà Vũ Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà Thân Thị Mai H số tiền gốc còn nợ là: 133.500.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị T, do bà T là người cao tuổi. Bà Thân Thị Mai H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại bà Thân Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004762 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn